HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN KHÔNG DÙNG TIỀN MẶT CỦA HỆ THỐNG NGÂN HÀNG VIỆT NAM – 55 NĂM NHÌN LẠI.

ThS. Lâm Thị Hồng Hoa*

Đã 55 năm trôi qua, kể từ ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 15/SL thành lập Ngân hàng Quốc gia (NHQG) Việt Nam 6 tháng 5 năm 1951. Hơn nửa thế kỷ hoạt động, ngành ngân hàng Việt Nam đã từng bước lớn lên cùng với sự phát triển của đất nước. Trong sự phát triển chung ấy, hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt cũng từng bước đổi thay, để đến hôm nay hoạt động này trở thành hình ảnh đầu tiên khi dân chúng nói đến ngân hàng, dù rằng nó chỉ đóng góp một phần khiêm tốn vào tổng thu nhập của ngân hàng.

Ngay từ khi NHQG được thành lập, nhà nước đã quy định các cơ quan Nhà nước phải mở tài khoản tại ngân hàng, các khoản kinh phí được cấp cũng như các khoản thu được gửi vào tài khoản, khi cần chi tiêu thì rút tiền từ tài khoản hoặc thực hiện phương thức chuyển khoản qua ngân hàng. Tuy nhiên, việc thực hiện chuyển khoản qua ngân hàng còn hạn chế cả về hình thức lẫn giá trị, vì ở giai đoạn này công tác tài chính chủ yếu phục vụ cho hoạt động phát triển kinh tế trong kháng chiến và đối tượng cho vay chính là sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và các ngành nghề ở nông thôn, tập trung vào đấu tranh tiền tệ với địch.

Đại học Ngân hàng TP. HCM (*)

Khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng và bước vào giai đoạn khôi phục kinh tế sau chiến tranh, hoạt động của NHQG được chuyển sang một thời kỳ mới: đáp ứng nhu cầu vốn cho quá trình phục hồi và phát triển nền kinh tế.

Trong giai đoạn này, nhu cầu chi tiêu bằng tiền rất lớn: vừa để khôi phục kinh tế, vừa đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho hoạt động của Chính phủ, do vậy Nhà nước đã phải phát hành một khối lượng tiền lớn và điều đó làm cho việc quản lý tiền tệ gặp nhiều khó khăn.

Ngày 27/11/1955 Chính phủ đã ban hành Thông tư 622/TTg về chế độ quản lý tiền mặt, yêu cầu các cơ quan, xí nghiệp nhà nước thực hiện chế độ tồn quỹ tiền mặt tại đơn vị theo định mức được ấn định. Việc thực hiện thông tư này đã làm cho vòng quay tiền mặt qua quỹ ngân hàng từ 2 vòng năm 1955 lên 3 vòng vào năm 1957. Cũng do các cơ quan xí nghiệp gửi tiền vào ngân hàng nên hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt có điều kiện để triển khai và phát huy hiệu quả, tỷ lệ thanh toán bằng chuyển khoản đã tăng từ 65,2% năm 1955 lên 78,6% năm 1957 trong tổng chu chuyển thanh toán qua ngân hàng. Cùng với các biện pháp phát hành tiền qua tín dụng, việc quản lý tiền mặt chặt chẽ và mở rộng thanh toán không dùng tiền mặt đã góp phần ổn định giá cả và sức mua của đồng tiền dù khối lượng tiền phát hành có tăng nhanh.

Trong 2 năm 1958-1959 công tác thanh toán của ngân hàng đã có một bước phát triển quan trọng với định hướng phát triển nghiệp vụ là tập trung thanh toán trên cơ sở hợp đồng, đẩy mạnh kiểm soát bằng đồng tiền đối với các hoạt động kinh tế quốc doanh, từng bước thực hiện vai trò trung tâm thanh toán. Đến cuối năm 1959 tỷ lệ thanh toán bằng chuyển khoản so với tổng chu chuyển tiền tệ qua ngân hàng đã tăng lên 83,1%.

Các quy định về thanh toán không dùng tiền mặt đã được thể chế hóa khi Chính phủ ban hành Nghị định số 4/CP ngày 7/3/1960, từ cơ sở này công tác thanh toán không dùng tiền mặt đã được mở rộng và phát triển cả về phạm vi cũng như chất lượng, từng bước khẳng định vai trò trung tâm thanh toán của ngân hàng.

Đến cuối năm 1964 quan hệ thanh toán đã được mở rộng đến hầu hết các xí nghiệp, các tổ chức kinh tế, đơn vị của Nhà nước. Ở giai đoạn này ngân hàng vừa phục vụ thanh toán cho khách hàng, vừa tài trợ vốn cho các xí nghiệp, tổ chức kinh tế, đồng thời cũng là người kiểm soát việc thực hiện hợp đồng kinh tế, hợp đồng thanh toán, kiểm soát việc tôn

trọng các nguyên tắc quản lý kinh tế tài chính.

Bước sang năm 1965 do cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc ngày càng lan rộng và ác liệt, tình hình sản xuất kinh doanh có nhiều biến đổi, đời sống kinh tế xã hội có nhiều khó khăn hơn, song Chính phủ vẫn quan tâm đến hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt, thể hiện qua việc ban hành Chỉ thị số 51/TTg-TN về công tác thanh toán không dùng tiền mặt trong tình hình mới. Thực hiện Chỉ thị của Chính phủ, NHNN đã có văn bản số 19/KTKH quy định cải tiến và bổ sung một số nghiệp vụ, đơn giản bớt thủ tục thanh toán. Đến năm 1967 thanh toán không dùng tiền mặt đã được mở rộng vào khu vực nông thôn, phục vụ thanh toán tiền tệ giữa các hợp tác xã với các công ty vật tư nông nghiệp, công ty thương nghiệp.... Trong khoảng thời gian 1965-1975, tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt chiếm trong tổng mức chu chuyển tiền tệ qua ngân hàng vẫn duy trì ở mức bình quân 85%.

Trong toàn bộ giai đoạn từ năm 1956 cho đến 1975, hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt phát triển đã góp phần không nhỏ trong việc quản lý lưu thông tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước (NHNN), tiết kiệm tiền mặt, tăng nguồn vốn tín dụng cho nền kinh tế. Tuy nhiên các hình thức thanh toán ở giai đoạn này vẫn còn đơn điệu, chủ yếu là ủy nhiệm chi, nhờ thu chấp nhận trả và chỉ có các xí nghiệp, công ty thương nghiệp, đơn vị, tổ chức nhà nước sử dụng. Tỷ trọng thanh toán không dùng tiền mặt tuy cao so với tổng mức chu chuyển tiền tệ qua ngân hàng nhưng thực tế hoạt động thanh toán trong nền kinh tế giai đoạn này vẫn chủ yếu là tiền mặt.

Sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, hoạt động ngân hàng ở các tỉnh phía Bắc vẫn chưa có thay đổi đáng kể nào, hoạt động ngân hàng ở các tỉnh phía Nam tập trung chủ yếu vào việc tiếp quản và cải tổ hệ thống ngân hàng của chính quyền cũ, xây dựng hệ thống ngân hàng mới của Nhà nước cách mạng.

Đến tháng 7 năm 1976, khi đất nước được thống nhất về phương diện nhà nước, nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ra đời, hệ thống ngân hàng 2 miền Nam Bắc đã được tổ chức thành hệ thống NHNN duy nhất bao gồm ngân hàng Trung ương và các chi nhánh đặt tại các tỉnh, thành phố, các ngân hàng cơ sở tại các quận huyện trên cả nước. Hệ thống thanh toán mới theo các nguyên tắc thanh toán của ngân hàng xã hội chủ nghĩa đã được thiết lập thống nhất trong cả nước.

Hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng giai đoạn từ 1975 đến 1986, thời điểm trước đổi mới, chủ yếu thực hiện theo Thể lệ thanh toán không dùng tiền mặt ban hành theo Quyết định số 70/NH-QĐ ngày 27/9/1975. Theo đó các hình thức thanh toán chủ yếu vẫn là ủy nhiệm chi, nhờ thu chấp nhận trả, séc. Việc thực hiện thanh toán vốn giữa các chi nhánh ngân hàng trong cả nước được thực hiện theo phương thức thanh toán liên hàng hoặc thanh toán "đồng thành" (nếu là thanh toán giữa các chi nhánh NHNN đóng trên địa bàn của một tỉnh, thành phố). Tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt chiếm trong tổng mức chu chuyển tiền tệ qua ngân hàng giai đoạn này bình quân cũng ở mức 85%. Một số chi nhánh ngân hàng lớn đã được cơ giới hóa kế toán, do đó việc xử lý chứng từ kế toán đã nhanh hơn nhưng chưa có tác động đến tốc độ thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng, vì việc chuyển các chứng từ vẫn phải qua hệ thống bưu điện. Cơ chế kiểm soát, các nguyên tắc thanh toán về cơ bản vẫn tương tự như thời kỳ trước năm 1976, chưa có những thay đổi mang tính đột phá, khả năng trang bị thiết bị, năng lực quản lý, trình độ kỹ thuật còn nhiều hạn chế.

Năm 1987, do đòi hỏi từ thực tế của nền kinh tế, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị định số 80-HĐBT ngày 27-5-1987 về việc bổ sung thể lệ thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng. Căn cứ vào nghị định này, NHNN đã ra quyết định số 57/NH/QĐ ngày 24/6/1987 ban hành thể lệ thanh toán bằng séc. Thể lệ được ban hành đánh dấu một bước tiến mới trong hoạt động ngân hàng Việt Nam: Ở một mức độ nhất định chúng ta đã tiếp nhận và ứng dụng kinh nghiệm thanh toán qua ngân hàng của thế giới (các nước phát triển trên thế giới đã ban hành Luật séc riêng). Quyết định này đã đề cập đến các loại séc, như séc bảo chi, định mức, séc chuyển khoản... và thời hạn hiệu lực cũng như các chế tài liên

quan đến thanh toán séc. Đến ngày 1/11/1989 Quyết định 146/NH-QĐ do NHNN ban hành dành riêng cho séc định mức đã hoàn thiện hơn quy chế thanh toán dành cho séc.

Tuy nhiên do những yếu kém trong quản lý kinh tế, do những bất cập của chế độ quản lý hành chính, bao cấp so với sự phát triển và đòi hỏi khách quan từ thực tiễn nền kinh tế nên trong thực tế các chế độ, thể lệ thanh toán gần như không phát huy được hiệu lực. Có nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan tác động nên trong khoảng thời gian này thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng ngày càng bị thu hẹp. Thanh toán theo kiểu hàng đổi hàng, mua bán trực tiếp bằng tiền mặt diễn ra ngày càng phổ biến. Ngân hàng thường xuyên bị khan hiếm tiền mặt để có thể đáp ứng yêu cầu rút tiền của các chủ tài khoản, mặc dù nhà nước đã phát hành một lượng tiền mặt ra lưu thông khá lớn do tiền mặt quay vòng ngoài thị trường chứ không quay trở lại ngân hàng.

Tình hình trên chỉ được cải thiện khi hệ thống ngân hàng một cấp được chính thức chuyển đổi thành hệ thống ngân hàng 2 cấp theo Nghị định số 53/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng ban hành ngày 26/3/1988 với tinh thần chủ đạo: chuyển hệ thống ngân hàng sang hoạt động kinh doanh một cách thực sự. Từ thời điểm này các ngân hàng kinh doanh, hạch toán kinh tế độc lập dần được hình thành, còn NHNN thực hiện chức năng của một ngân hàng Trung ương.

Trong giai đoạn đầu, khi mới hình thành các ngân hàng thương mại (NHTM) quốc doanh, do ngân sách nhà nước cấp vốn ban đầu (bao gồm Ngân hàng Phát triển Nông nghiệp, Ngân hàng Công thương, Ngân hàng Ngoại thương, Ngân hàng Đầu tư và Xây dựng, sau đó các ngân hàng này đã thay đổi tên phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của mình như hiện nay), hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt phục vụ khách hàng vẫn được thực hiện theo chế độ thể lệ đã ban hành từ năm 1975 cho đến 1989 và NHNN là người thực hiện mọi nghiệp vụ thanh toán vốn phát sinh giữa các ngân hàng chuyên doanh và giữa các chi nhánh của mỗi ngân hàng. Sau đó mỗi ngân hàng chuyên doanh có quy định riêng về thanh toán trong nội bộ ngân hàng mình.

Ngày 23/05/1990 Hội đồng Nhà nước đã ban hành Pháp lệnh NHNN Việt Nam và Pháp lệnh ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính. Hai Pháp lệnh trên được ban hành đã tạo ra bước ngoặt quan trọng trong quá trình đổi mới hoạt động tiền tệ, tín dụng và ngân hàng. Sau khi 2 pháp lệnh đi vào thực tiễn, công cuộc đổi mới ngành ngân hàng đã có những bước đi nhanh, vững chắc và gặt hái được nhiều thành tựu quan trọng, trong đó có hoạt động thanh toán.

Ngày 30/7/1991 Thống đốc NHNN ký quyết định số 101/NH-QĐ ban hành thể lệ thanh toán qua ngân hàng. Thể lệ thanh toán này đã thay thế tất cả các quy định về thanh toán không dùng tiền mặt do NHNN và các NHTM đã ban hành trước đây. Thể lệ mới này quy định rõ các hình thức thanh toán bao gồm: séc (séc chuyển khoản, séc bảo chi, sổ séc định mức), ủy nhiệm chi (chuyển tiền), thư tín dụng, ủy nhiệm thu và các phương thức thanh toán: thanh toán liên hàng trong hệ thống, hoặc có thể mở tài khoản tiền gửi của ngân hàng mình tại ngân hàng khác, uỷ quyền cho ngân hàng nơi mở tài khoản được trích tài khoản tiền gửi của mình để trả hoặc ghi nhập vào tài khoản tiền gửi của mình các khoản được hưởng; hoặc có thể uỷ nhiệm thu hộ, chi hộ theo các khoản thanh toán của khách hàng, trong hạn mức đã thoả thuận, sau một định kỳ nhất định sẽ quyết toán với nhau về số tiền thu, chi hộ; hoặc tham gia thanh toán bù trừ; hoặc thanh toán từng lần qua tài khoản mở tại NHNN.

Như vậy, đã xuất hiện thêm hình thức thanh toán thư tín dụng và phương thức thực hiện thanh toán vốn giữa các ngân hàng, chi nhánh ngân hàng đã rất phong phú. Việc thực thi thể lệ thanh toán mới ban hành đã làm cho hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt ngày một tốt hơn, tình trạng khan hiếm tiền mặt trong ngân hàng đã chấm dứt. Tuy nhiên các khách hàng vẫn bị cản trở khi sử dụng dịch vụ của ngân hàng do chỉ được mở một tài khoản giao dịch ở ngân hàng tại địa bàn đặt trụ sở chính và thủ tục thanh toán vẫn còn phức tạp, tốc độ thanh toán còn chậm do quá trình thanh toán vốn giữa các ngân hàng vẫn còn phụ thuộc vào

bưu điện và đối tượng khách hàng chính của ngân hàng vẫn chỉ là các đơn vị, tổ chức kinh tế, xã hội.

Theo đà phát triển hoạt động kinh doanh ngân hàng, đáp ứng kịp thời những đòi hỏi từ thực tiễn, những năm tiếp theo NHNN liên tiếp ban hành những quy định mới điều chỉnh hoạt động thanh toán qua ngân hàng như ngày Quyết định số 239/QĐ-NH1 ngày 2-11-1992 ban hành Thể lệ phát hành và sử dụng Ngân phiếu thanh toán; Công văn số 06/CV-NH1 ngày 20-1-1992 và Quyết định số 137-QĐ-NH1 ngày 20-7-1993 về nhận và trả tiền mặt thông qua chuyển tiền giữa các tỉnh, thành phố; Quyết định số 74/QĐ-NH1 ngày 10-4-1993 ban hành Thể lệ tạm thời thẻ thanh toán điện tử; Quyết định số 236/QĐ-NH1 ngày 11-12-1993 ban hành Quy định phát hành và sử dụng séc cá nhân, trong đó việc đưa Ngân phiếu thanh toán vào lưu thông với mệnh giá lớn là một điểm đặc biệt trong quá trình tổ chức và điều hòa lưu thông tiền tệ của Việt Nam, và ở một mức độ nhất định, giải pháp này đã làm cho cơ cấu tổng phương tiện thanh toán trong nền kinh tế thay đổi, lượng tiền mặt phát hành được giảm bớt mặc dù ngân phiếu thanh toán có nhiều tính chất như tiền mặt.

Để mở rộng và cải tiến thanh toán không dùng tiền mặt, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế, ổn định giá trị đồng tiền, ngày 25-11-1993, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 91- CP về tổ chức thanh toán không dùng tiền mặt thay thế cho Nghị định 4-CP ngày 7-3-1960 và Nghị định số 80-HĐBT ngày 27-5-1987 về thể lệ thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng. Điểm mới cơ bản của nghị định là từ thời điểm này khách hàng có quyền lựa chọn tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán cho mình, không bị bó hẹp trong phạm vi địa lý như trước.

Thực hiện Nghị định của Chính phủ, ngày 21-2-1994, Thống đốc NHNN đã ký quyết định số 22/QĐ-NH1 ban hành "Thể lệ thanh toán không dùng tiền mặt" thay thế cho tất cả các quyết định, thông tư được ban hành trước đó. Theo nội dung thể lệ, các thể thức thanh toán bao gồm: Séc (séc chuyển khoản, séc bảo chi, séc định mức, séc cá nhân); Ủy nhiệm chi - chuyển tiền; ủy nhiệm thư; thư tín dụng, ngân phiếu thanh toán; thẻ thanh toán.

Từ năm 1990, NHNN và các NHTM đã bắt đầu trang bị và đưa vào vận hành hệ thống máy vi tính, ứng dụng kỹ thuật tin học để xử lý các nghiệp vụ kế toán thanh toán. Sự kết nối thông tin đã được thực hiện dần trong nội bộ một NHTM, giữa NHTM với NHNN, và nhờ đó các hoạt động thanh toán đã được thực hiện một cách nhanh chóng, có hiệu quả, hệ thống thông tin báo cáo được cải thiện cả về khối lượng lẫn tốc độ xử lý, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng được xử lý nhanh.

Các ngân hàng đã có những chuyển biến về phong cách phục vụ khách hàng, nhờ tăng nhanh tốc độ thanh toán, hoạt động quảng bá sản phẩm tốt hơn nên các ngân hàng đã thu hút nhiều khách hàng hơn và đối tượng khách hàng phong phú hơn. Các khách hàng cá nhân đã bắt đầu sử dụng nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng hơn so với trước kia chỉ là các đơn vị, tổ chức kinh tế xã hội. Cho đến cuối năm 1995 đã có hơn 38.000 tài khoản cá nhân được mở tại các ngân hàng với tổng số dư trên 700 tỷ VND, doanh số thanh toán qua tài khoản này lên tới hàng ngàn tỷ VND.

Trong năm 1999 có 2 Quyết định được ban hành riêng cho thể thức thanh toán séc (QĐ số 30/CP của Chính phủ) và thể thức thanh toán thẻ (QĐ số 371/1999/QĐ-NHNN1) đã tạo điều kiện cho hoạt động thanh toán thuận lợi hơn, đặc biệt là thẻ thanh toán-một hình thức thanh toán hiệu quả, văn minh và hiện đại. Việc ban hành riêng một quyết định điều chỉnh nghiệp vụ thẻ đã tạo cơ sở pháp lý chặt chẽ cho nghiệp vụ thẻ phát triển. Tuy vậy, thanh toán bằng séc không được cải thiện hơn trước đây, doanh số thanh toán bằng séc chiếm tỷ lệ thấp nhất trong tổng doanh số thanh toán qua ngân hàng.

Sau một thời gian thực hiện, Thể lệ thanh toán không dùng tiền mặt ban hành theo quyết định 22/QĐ-NH đã bộc lộ nhiều điểm bất cập so với thực tiễn kinh doanh ngân hàng ngày càng diễn ra sôi động và phong phú, phức tạp, do vậy ngày 20/9/2001 Chính phủ đã ban hành Nghị định 64/2001/NĐCP về "hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán". Căn cứ Nghị

định này Thống đốc NHNN đã ký ban hành Quyết định số 226/2002/QĐ-NHNN ngày 26/3/2002 về Quy chế hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, thay thế cho Quyết định 22/QĐ-NH1.

Điểm mới nhất trong Nghị định và Quy chế trên là chấm dứt việc lưu thông Ngân phiếu thanh toán, cho phép các định chế tài chính khác ngoài ngân hàng tham gia cung ứng dịch vụ thanh toán khi hội đủ điều kiện quy định, hoàn thiện thể thức thanh toán đã và đang áp dụng như ủy nhiệm thu, ủy nhiệm chi..., tăng thêm khả năng thanh toán cho khách hàng bằng việc cho phép các ngân hàng được thực hiện thấu chi cho khách hàng.

Trong thời gian này việc ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện nghiệp vụ ngân hàng ngày càng đạt hiệu quả cao ở hầu hết các NHTM, đặc biệt là từ năm 2002, hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng được thiết lập và đi vào vận hành đã giúp cho các ngân hàng thực hiện tốt hơn dịch vụ thanh toán và chuyển tiền. Tháng 5 năm 2002 hệ thống này được chính thức đưa vào vận hành và số món thanh toán thực hiện trong năm 2002 là 5.145, doanh số trên 280.000 tỷ VND, số món thanh toán bình quân 1 ngày đã tăng lên hơn 500% (8.000 lệnh /1600 lệnh), doanh số thanh toán bình quân 1 ngày tăng hơn 460% (4000 tỷ VND/972 tỷ VND). Nhờ có hệ thống này mà một món chuyển tiền đã được thực hiện chỉ trong thời gian ngắn tính bằng phút, thay vì phải tính theo ngày như trước đây. Tăng trưởng thanh toán qua hệ thống này rất nhanh, thể hiện qua sơ đồ sau:

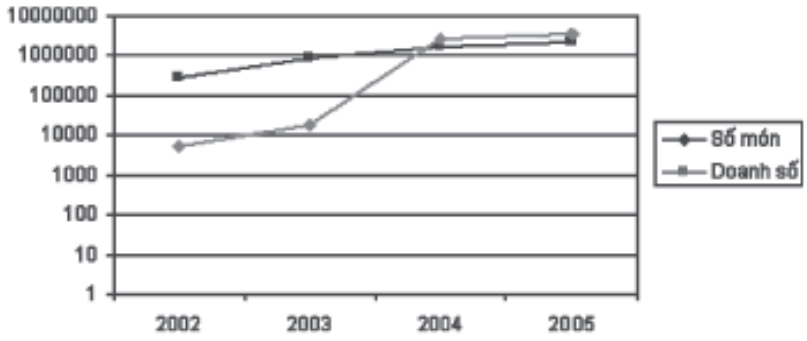

Tốc độ tăng doanh số thanh toán không dùng tiền mặt qua NH

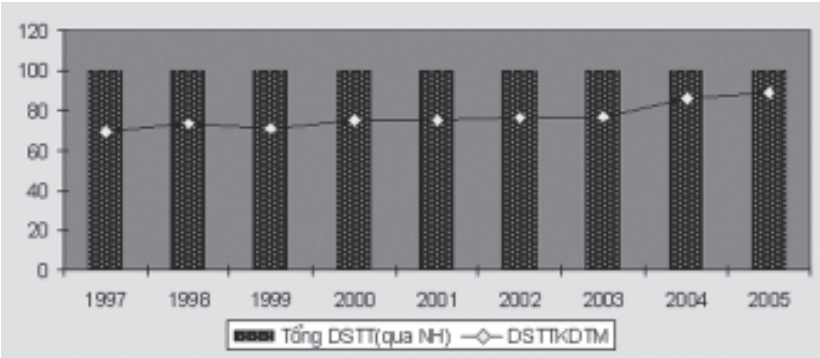

Nguồn: báo cáo của NHNN(2)

Tất cả những thay đổi về chế độ, về kỹ thuật công nghệ, sự gia tăng các tiện ích thanh toán... đã làm cho tỷ trọng thanh toán không dùng tiền mặt chiếm trong tổng doanh số thanh toán qua ngân hàng đã tăng dần lên.

Doanh số thanh toán tập trung chủ yếu vào thể thức ủy nhiệm chi, phương thức thanh toán này luôn chiếm tỷ trọng trên 70% trong tổng doanh số thanh toán. Séc và ủy nhiệm thu vẫn chiếm một tỷ lệ nhỏ, nhưng số lượng tài khoản của khách hàng cá nhân được mở để sử dụng dịch vụ ngân hàng ngày càng tăng, chủ yếu là mở để sử dụng thẻ ATM và các tiện ích của nó ngày một gia tăng. Nếu năm 1995 chỉ có khoảng 38.000 tài khoản cá nhân được mở thì cuối năm 2005 đã có khoảng 2.100.000 tài khoản với doanh số thanh toán khoảng 2.300.000 tỷ VND.

Từ năm 2003 đến nay các sản phẩm dịch vụ mới của ngân hàng liên quan đến việc ứng dụng công nghệ thông tin liên tiếp được mở ra như: homebanking, internetbank...; sử dụng dịch vụ thẻ conec 24/24 không chỉ rút tiền mặt mà còn dùng để thanh toán tiền dịch vụ khác như tiền điện, điện thoại...

Điểm lại quá trình xây dựng và phát triển hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt qua ngân hàng trong 55 năm qua, điều mà chúng ta có thể nhận thấy rõ nét nhất là hoạt động này... *(tiếp theo trang 21)*